

-군요

thì ra, hóa ra là vậy

Đánh dấu một sự nhận ra có được nhờ xâu chuỗi các dữ kiện. Gần với -네요, nhưng hình thức thay đổi giữa động từ và tính từ.

■ Cách kết hợp

Loại từ	Dạng	Ví dụ
Tính từ	-군요	좋다 → 좋군요
Động từ, hiện tại	-는군요	가다 → 가는군요
Động từ, quá khứ	-았/었군요	갔군요
Kết thúc bằng ㄹ	≡ bị lược bỏ	만들다 → 만드는군요
이다	-(이)군요	학생이군요
Thân mật	-구나 / -는구나	좋구나

■ Khi nào dùng

Dạng này chia theo từ loại. Tính từ và 이다 dùng -군요: 좋군요, 학생이군요. Động từ dùng -는군요: 가는군요, 먹는군요. Động từ ở thì quá khứ quay lại dùng -군요, vì dấu hiệu thì đã chiếm vị trí đó: 갔군요.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ ≡ lược bỏ ≡ trước -는군요: 만들다 thành 만드는군요.

Nếu -네요 là phản ứng tức thời, thì -군요 nghe như một kết luận. 아, 그래서 늦었군요 — à, thì ra vì vậy mà bạn đến muộn. Nó hơi mang tính sách vở, phổ biến trong văn viết và lời nói cẩn trọng, còn dạng thân mật 구나 là thứ bạn nghe giữa bạn bè.

■ Ví dụ trong câu

- 1 아, 그래서 안 오셨군요.
À, thì ra vì thế mà bạn không đến.
- 2 한국어를 오래 공부하셨군요.
Thì ra bạn đã học tiếng Hàn lâu rồi.
- 3 여기가 그 유명한 카페군요.
Thì ra đây là quán cà phê nổi tiếng đó.
- 4 생각보다 어렵군요.
Khó hơn tôi tưởng nhỉ.
- 5 벌써 시작했군요.
Thì ra đã bắt đầu rồi.
- 6 날씨가 정말 좋군요.
Thời tiết đúng là đẹp thật.

■ So sánh với

-네요

-네요 phản ứng với điều ngay trước mắt; -군요 thuật lại một kết luận bạn vừa rút ra. Trong lời nói hằng ngày, -네요 phổ biến hơn nhiều.

비가 오네요. (nhìn ra ngoài) / 비가 오는군요. (thì ra vì thế mà ai cũng ướt)

-지요?

-군요 ghi nhận sự hiểu biết mới; -지요? xác nhận điều đã cùng biết. Không thể thay thế cho nhau.

한국 사람이군요. (thì ra bạn là người Hàn) / 한국 사람이죠? (bạn là người Hàn, phải không?)

-구나

Dạng thân mật tương ứng, dùng với bạn thân hoặc khi tự nói với mình. Thêm 요 để nâng lại lên mức lịch sự.

벌써 왔구나. (với bạn) / 벌써 왔군요. (lịch sự)

■ Lưu ý

- ✗ 한국어를 잘하군요.

○ 한국어를 잘하는군요.

Động từ thì hiện tại dùng -는군요. Chỉ tính từ và động từ thì quá khứ mới dùng dạng ngắn -군요.
- ✗ 날씨가 좋는군요.

○ 날씨가 좋군요.

좋다 là tính từ, nên không có -는. Sự phân chia này giống hệ thống định ngữ: động từ dùng -는, tính từ thì không.
- ✗ 매일 요리를 만들는군요.

○ 매일 요리를 만드는군요.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ ≡ lược bỏ ≡ trước -는군요, giống hệt trước -는 và -네요.